

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

Số: *950* /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Điện Biên, ngày *21* tháng 9 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực bảo vệ môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1756/QĐ-BTNMT ngày 11/8/2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực bảo vệ môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực bảo vệ môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên (có Danh mục cụ thể kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1186/QĐ-UBND ngày 13/11/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Điện Biên về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực bảo vệ môi trường thuộc chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát TTHC);
- TT Công báo, TT tin học VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KSTT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lò Văn Tiến

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BỎ BỎ TRONG LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH ĐIỆN BIÊN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 957/QĐ-UBND ngày 21 tháng 9 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Điện Biên)



PHẦN 1. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện		
						Trực tiếp	Trực tuyến	Qua dịch vụ BCCI
I	Thủ tục hành chính cấp tỉnh							
1	Vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án	<ul style="list-style-type: none"> - Thời hạn kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ/Thời hạn kiểm tra các công trình xử lý chất thải của dự án: Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ. - Thời hạn có văn bản thông báo kết quả kiểm tra các công trình xử lý chất thải để chủ dự án vận hành thử nghiệm: 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra. - Thời hạn có văn bản thông báo kết quả kiểm tra việc vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án: 05 (năm) ngày làm việc trước khi kết thúc việc vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án 	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên - Số 315, tổ 12, phường Him Lam, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Bảo vệ môi trường năm 2014; - Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường; - Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường; 	x	Nộp trực tuyến cấp độ 3 trên cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh: https://dichvucong.dienbien.gov.vn/	x

					- Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP;			
2	Cấp Giấy phép trao đổi, mua, bán, tặng cho, thuê, lưu giữ, vận chuyển mẫu vật của loài thuộc Danh mục loài được ưu tiên bảo vệ	<p>- Thời hạn trả lời tình hợp lệ của hồ sơ: trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân về việc chấp nhận hồ sơ hoặc yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định; việc yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ chỉ được thực hiện một (01) lần và thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ;</p> <p>- Thời hạn thẩm định, ban hành quyết định cấp phép: trong thời hạn 30 ngày, kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân tỉnh tiến hành thẩm định và cấp Giấy phép trao đổi, mua, bán, tặng cho, thuê mẫu vật của loài hoang dã thuộc Danh mục loài được ưu tiên bảo vệ cho tổ</p>	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên - Số 315, tổ 12, phường Him Lam, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên	Không quy định	<p>- Luật Đa dạng sinh học năm 2008;</p> <p>- Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về Tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc Danh mục loài nguy, cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ</p>	x	Nộp trực tuyến cấp độ 3 trên cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh: https://dichvucong.dienbien.gov.vn/	x

		chức, cá nhân đề nghị						
3	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học	Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm quyết định cấp hoặc từ chối cấp giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên - Số 315, tổ 12, phường Him Lam, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên	Không quy định	- Luật Đa dạng sinh học năm 2008; - Nghị định số 65/2010/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đa dạng sinh học	x	Nộp trực tuyến cấp độ 3 trên cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh: https://dichvucong.dienbien.gov.vn/	x

PHẦN II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Lệ phí	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Cách thức thực hiện			
						Trực tiếp	Trực tuyến	Qua dịch vụ BCCI	
I	Thủ tục hành chính cấp tỉnh								
1	Thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động	- Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ: trong thời hạn thẩm định. - Thời hạn thông báo	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên	Nhóm 1: Dự án công trình dân dụng Tổng vốn đầu tư từ 10 tỷ đồng trở xuống: 6.400.000 đ	- Luật Bảo vệ môi trường 2014; - Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính	x	Nộp trực tuyến cấp độ 3 trên cổng dịch vụ công trực	x	

<p>môi trường/báo cáo đánh giá tác động môi trường lập lại</p>	<p>kết quả: 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc thẩm định.</p> <p>- Thời hạn thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (không bao gồm thời gian hoàn thiện hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường của chủ Dự án):</p> <p>+ Tối đa là 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của các dự án thuộc Phụ lục II và loại hình thuộc Phụ lục IIa Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP.</p> <p>+ Tối đa là 25 (hai mươi lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp thẩm định báo cáo</p>	<p>và Môi trường tỉnh Điện Biên</p> <p>- Số 315, tổ 12, phường Him Lam, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên</p>	<p>Tổng vốn đầu tư trên 10 tỷ đồng đến 20 tỷ đồng: 10.000.000 đ</p> <p>Tổng vốn đầu tư trên 20 tỷ đồng đến 50 tỷ đồng: 16.800.000 đ</p> <p>Tổng vốn đầu tư trên 50 tỷ đồng đến 100 tỷ đồng: 30.000.000 đ</p> <p>Tổng vốn đầu tư trên 100 tỷ đồng đến 200 tỷ đồng: 33.200.000 đ</p> <p>Tổng vốn đầu tư trên 200 tỷ đồng đến 500 tỷ đồng: 43.200.000 đ</p> <p>Tổng vốn đầu tư trên 500 tỷ đồng trở lên: 48.800.000 đ</p> <p>Nhóm 2: Dự án hạ tầng kỹ thuật</p> <p>Tổng vốn đầu tư từ 10 tỷ đồng trở xuống: 7.000.000 đ</p> <p>Tổng vốn đầu tư trên 10 tỷ đồng đến 20 tỷ đồng: 10.400.000 đ</p> <p>Tổng vốn đầu tư trên 20 tỷ đồng đến 50 tỷ đồng: 17.600.000 đ</p> <p>Tổng vốn đầu tư trên 50 tỷ đồng đến 100 tỷ đồng: 30.400.000 đ</p> <p>Tổng vốn đầu tư trên 100 tỷ</p>	<p>phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;</p> <p>- Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;</p> <p>- Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP;</p> <p>- Quyết định số 19/2017/QĐ-UBND ngày 10/8/2017 về ban hành danh mục,</p>	<p>tuyến của tỉnh:</p> <p>https://dgc.hvucong.dienbien.gov.vn/</p>	
--	--	---	---	---	---	--

	<p>đánh giá tác động môi trường của các dự án thuộc Phụ lục II những loại hình không thuộc Phụ lục IIa Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP.</p> <p>+ Tối đa là 20 (hai mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ đối với hình thức thẩm định thông qua việc lấy ý kiến cơ quan, tổ chức liên quan đối với các báo cáo đánh giá tác động môi trường của các dự án quy định tại khoản 4 Điều 14 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 40/2019/NĐ-CP bao gồm các dự án thuộc đối tượng phải lập lại báo cáo đánh giá tác động môi trường.</p> <p>- Thời hạn thông báo kết quả: 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết</p>	<p>đồng đến 200 tỷ đồng: 33.600.000 đ</p> <p>Tổng vốn đầu tư trên 200 tỷ đồng đến 500 tỷ đồng: 44.000.000 đ</p> <p>Tổng vốn đầu tư trên 500 tỷ đồng trở lên: 49.600.000 đ</p> <p>Nhóm 3: Dự án nông nghiệp, lâm nghiệp thủy sản, thủy lợi</p> <p>Tổng vốn đầu tư từ 10 tỷ đồng trở xuống: 7.100.000 đ</p> <p>Tổng vốn đầu tư trên 10 tỷ đồng đến 20 tỷ đồng: 10.800.000 đ</p> <p>Tổng vốn đầu tư trên 20 tỷ đồng đến 50 tỷ đồng: 18.000.000 đ</p> <p>Tổng vốn đầu tư trên 50 tỷ đồng đến 100 tỷ đồng: 31.200.000 đ</p> <p>Tổng vốn đầu tư trên 100 tỷ đồng đến 200 tỷ đồng: 34.400.000 đ</p> <p>Tổng vốn đầu tư trên 200 tỷ đồng đến 500 tỷ đồng: 44.800.000 đ</p> <p>Tổng vốn đầu tư trên 500 tỷ đồng trở lên: 50.800.000 đ</p> <p>Nhóm 4: Dự án giao thông</p> <p>Tổng vốn đầu tư từ 10 tỷ đồng</p>	<p>mức thu, miễn, giảm phí, lệ phí; đối tượng nộp, đơn vị thu và tỷ lệ phân chia tiền thu, các khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Điện Biên.</p>			
--	---	---	---	--	--	--

		<p>thúc thẩm định.</p> <p>- Thời hạn phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường: tối đa là 20 (hai mươi) ngày làm việc.</p>		<p>trở xuống: 7.400.000 đ</p> <p>Tổng vốn đầu tư trên 10 tỷ đồng đến 20 tỷ đồng: 11.200.000 đ</p> <p>Tổng vốn đầu tư trên 20 tỷ đồng đến 50 tỷ đồng: 18.400.000 đ</p> <p>Tổng vốn đầu tư trên 50 tỷ đồng đến 100 tỷ đồng: 32.800.000 đ</p> <p>Tổng vốn đầu tư trên 100 tỷ đồng đến 200 tỷ đồng: 36.000.000 đ</p> <p>Tổng vốn đầu tư trên 200 tỷ đồng đến 500 tỷ đồng: 47.200.000 đ</p> <p>Tổng vốn đầu tư trên 500 tỷ đồng trở lên: 52.800.000 đ</p> <p>Nhóm 5: Dự án công nghiệp</p> <p>Tổng vốn đầu tư từ 10 tỷ đồng trở xuống: 7.700.000 đ</p> <p>Tổng vốn đầu tư trên 10 tỷ đồng đến 20 tỷ đồng: 12.000.000 đ</p> <p>Tổng vốn đầu tư trên 20 tỷ đồng đến 50 tỷ đồng: 19.200.000 đ</p> <p>Tổng vốn đầu tư trên 50 tỷ đồng đến 100 tỷ đồng: 34.400.000 đ</p> <p>Tổng vốn đầu tư trên 100 tỷ đồng đến 200 tỷ đồng: 37.600.000 đ</p>				
--	--	---	--	---	--	--	--	--

				<p>Tổng vốn đầu tư trên 200 tỷ đồng đến 500 tỷ đồng: 49.600.000 đ</p> <p>Tổng vốn đầu tư trên 500 tỷ đồng trở lên: 55.200.000 đ</p> <p>Nhóm 6: Dự án xử lý chất thải và cải thiện môi trường và các dự án khác (không thuộc nhóm 1, 2, 3, 4, 5 nêu trên)</p> <p>Tổng vốn đầu tư từ 10 tỷ đồng trở xuống: 4.800.000 đ</p> <p>Tổng vốn đầu tư trên 10 tỷ đồng đến 20 tỷ đồng: 7.200.000 đ</p> <p>Tổng vốn đầu tư trên 20 tỷ đồng đến 50 tỷ đồng: 12.000.000 đ</p> <p>Tổng vốn đầu tư trên 50 tỷ đồng đến 100 tỷ đồng: 21.600.000 đ</p> <p>Tổng vốn đầu tư trên 100 tỷ đồng đến 200 tỷ đồng: 24.000.000 đ</p> <p>Tổng vốn đầu tư trên 200 tỷ đồng đến 500 tỷ đồng: 31.200.000 đ</p> <p>Tổng vốn đầu tư trên 500 tỷ đồng trở lên: 35.200.000 đ</p> <p>Thẩm định lại báo cáo đánh</p>				
--	--	--	--	--	--	--	--	--

				giá tác động môi trường: Mức thu bằng 50% mức thu phí thẩm định lần đầu tương ứng nêu trên				
2	Chấp thuận về môi trường (Trường hợp dự án có những thay đổi được quy định tại khoản 2 Điều 26 Luật bảo vệ môi trường trong giai đoạn triển khai xây dựng dự án)	<p>- Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ: tối đa 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.</p> <p>- Thời hạn xem xét, chấp thuận về môi trường: tối đa là 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.</p>	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên - Số 315, tổ 12, phường Him Lam, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên	Không quy định.	<p>- Luật bảo vệ môi trường 2014;</p> <p>- Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;</p> <p>- Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;</p> <p>- Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài</p>	x	Nộp trực tuyến cấp độ 3 trên cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh: https://dichvucong.dienbic.gov.vn/	x

					nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP.			
3	Kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án	- Thời hạn kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường: là 15 (mười lăm) ngày làm việc, không bao gồm thời gian chủ dự án hoàn thiện hồ sơ và thời gian phân tích mẫu chất thải (lấy mẫu tổ hợp trong trường hợp cần thiết).	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên - Số 315, tổ 12, phường Him Lam, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên	Không quy định	<p>- Luật Bảo vệ môi trường năm 2014;</p> <p>- Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;</p> <p>- Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;</p> <p>- Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của</p>	x	Nộp trực tuyến cấp độ 3 trên cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh: https://dichvucong.dienbien.gov.vn/	x

					Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP.			
4	Thẩm định, phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản (báo cáo riêng theo quy định tại điểm b khoản 1 và điểm b, điểm c khoản 2 Điều 5 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Điều 5 Nghị	<p>- Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ: Năm (05) ngày làm việc.</p> <p>- Thời hạn thẩm định hồ sơ: Trong thời hạn 35 (ba mươi lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.</p> <p>Thời hạn phê duyệt hồ sơ: Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.</p>	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên - Số 315, tổ 12, phường Him Lam, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên	<p>Phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản và báo cáo đánh giá tác động môi trường không cùng cơ quan có thẩm quyền phê duyệt:</p> <p>Tổng vốn đầu tư từ 10 tỷ đồng trở xuống: 4.800.000 d</p> <p>Tổng vốn đầu tư trên 10 tỷ đồng đến 20 tỷ đồng: 7.200.000 d</p> <p>Tổng vốn đầu tư trên 20 tỷ đồng đến 50 tỷ đồng: 12.000.000 d</p> <p>Tổng vốn đầu tư trên 50 tỷ đồng đến 100 tỷ đồng: 21.600.000 d</p> <p>Tổng vốn đầu tư trên 100 tỷ đồng đến 200 tỷ đồng: 24.000.000 d</p> <p>Tổng vốn đầu tư trên 200 tỷ đồng đến 500 tỷ đồng: 31.200.000 d</p> <p>Tổng vốn đầu tư trên 500 tỷ đồng trở lên: 35.200.000 d</p>	<p>- Luật Bảo vệ môi trường năm 2014;</p> <p>- Luật Khoáng sản năm 2010;</p> <p>- Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;</p> <p>- Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản;</p> <p>- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ</p>	x	Nộp trực tuyến cấp độ 3 trên cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh: https://dichvucong.dienbien.gov.vn/	x

	định số 19/2015/N Đ-CP)			<p>Phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản và báo cáo đánh giá tác động môi trường cùng cơ quan có thẩm quyền phê duyệt</p> <p>Tổng vốn đầu tư từ 10 tỷ đồng trở xuống: 3.200.000 d</p> <p>Tổng vốn đầu tư trên 10 tỷ đồng đến 20 tỷ đồng: 4.800.000 d</p> <p>Tổng vốn đầu tư trên 20 tỷ đồng đến 50 tỷ đồng: 8.000.000 d</p> <p>Tổng vốn đầu tư trên 50 tỷ đồng đến 100 tỷ đồng: 14.400.000 d</p> <p>Tổng vốn đầu tư trên 100 tỷ đồng đến 200 tỷ đồng: 16.000.000 d</p> <p>Tổng vốn đầu tư trên 200 tỷ đồng đến 500 tỷ đồng: 20.800.000 d</p> <p>Tổng vốn đầu tư trên 500 tỷ đồng trở lên: 23.400.000 d</p>	<p>sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường;</p> <p>- Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;</p> <p>- Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP;</p> <p>- Quyết định số 19/2017/QĐ-UBND ngày 10/8/2017 về ban hành danh mục, mức thu, miễn, giảm phí, lệ</p>			
--	-------------------------------	--	--	---	---	--	--	--

					phí; đối tượng nộp, đơn vị thu và tỷ lệ phân chia tiền thu, các khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Điện Biên.			
5	Xác nhận hoàn thành từng phần phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản	<p>- Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ: không quy định.</p> <p>- Thời hạn cấp giấy xác nhận: Trong thời hạn 40 (bốn mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.</p>	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên - Số 315, tổ 12, phường Him Lam, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên	Không quy định	<p>- Luật Bảo vệ môi trường năm 2014;</p> <p>- Luật Khoáng sản năm 2010;</p> <p>- Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;</p> <p>- Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản;</p> <p>- Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều</p>	x	Nộp trực tuyến cấp độ 3 trên cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh: https://dichvucon.g.dienbien.gov.vn/	x

					của các nghị định quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường.			
6	Đăng ký xác nhận/dăng ký xác nhận lại kế hoạch bảo vệ môi trường	- Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ: Không quy định - Thời hạn xem xét, xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường: Tối đa là 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên - Số 315, tổ 12, phường Him Lam, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên	Không quy định	- Luật bảo vệ môi trường 2014; - Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường; - Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường.	x	Nộp trực tuyến cấp độ 3 trên cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh: https://dichvucong.dienbien.gov.vn/	x
II Thủ tục hành chính cấp huyện								
1	Đăng ký xác nhận/dăng ký xác	- Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ: trong thời hạn xem xét hồ sơ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc	Không quy định	- Luật Bảo vệ môi trường 2014. - Nghị định số	x	x	x

	nhận lại kế hoạch bảo vệ môi trường	- Thời hạn xem xét, xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường: tối đa là 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	Ủy ban nhân dân cấp huyện		18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường; - Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường.			
--	-------------------------------------	--	---------------------------	--	---	--	--	--

PHẦN III. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
I	Thủ tục hành chính cấp tỉnh				
1	T-DBI-285134	Thẩm định, phê duyệt phương cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đối với hoạt động khai thác khoáng sản (trường hợp có phương án bổ sung và báo cáo đánh giá tác động môi trường không cùng cơ quan thẩm quyền phê duyệt)	Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường	Môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường

2	DBI-288211	Thẩm định, phê duyệt phương cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản (trường hợp có phương án và báo cáo đánh giá tác động môi trường cùng một cơ quan thẩm quyền phê duyệt)	Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường	Môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường
3	DBI-288212	Thẩm định, phê duyệt phương cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đối với hoạt động khai thác khoáng sản (trường hợp có phương án bổ sung và báo cáo đánh giá tác động môi trường cùng một cơ quan thẩm quyền phê duyệt)	Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường	Môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường
4	BTM-DBI-264788	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất cho tổ chức, cá nhân trực tiếp sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất (trường hợp Giấy xác nhận hết hạn)	Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường	Môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường
5	BTM-DBI-285133	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất (trường hợp Giấy xác nhận bị mất hoặc hư hỏng)	Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường	Môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường
6	DBI-288213	Thẩm định, phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết	Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường	Môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường

7	T-DBI-285142-TT	Xác nhận đề án bảo vệ môi trường đơn giản	Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường	Môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường
8	T-DBI-285130	Chấp thuận điều chỉnh về quy mô, quy hoạch, hạ tầng kỹ thuật, danh mục ngành nghề trong khu công nghiệp	Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường	Môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường
9	T-DBI-285131	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu lâm nguyên liệu sản xuất cho tổ chức, cá nhân trực tiếp sử dụng phế liệu nhập khẩu lâm nguyên liệu sản xuất	Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường	Môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường
II Thủ tục hành chính cấp huyện					
1	DBI-288197	Xác nhận đề án bảo vệ môi trường đơn giản	Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường	Môi trường	UBND cấp huyện
III Thủ tục hành chính cấp xã					
1	T-DBI-284958-TT	Xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường	Nghị định số 40/2019/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi	Môi trường	UBND cấp Xã

			tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường		
2	T-DBI-284960-TT	Xác nhận đề án bảo vệ môi trường đơn giản	Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường	Môi trường	UBND cấp Xã
3	T-DBI-284959-TT	Tham vấn ý kiến đề án bảo vệ môi trường chi tiết	Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường	Môi trường	UBND cấp Xã
4		Tham vấn ý kiến trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường		Môi trường	UBND cấp xã